



Phụ lục V

BẢNG GIÁ ĐẤT SỬ DỤNG CHO HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN VÀ GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT KHÁC

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm
2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

1. Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản được xác định bằng giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại cùng vị trí.
2. Giá đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng được xác định bằng giá đất rừng sản xuất cùng vị trí tại khu vực lân cận.
3. Giá đất chăn nuôi tập trung và các loại đất nông nghiệp khác được xác định bằng giá đất trồng cây lâu năm cùng vị trí tại khu vực lân cận.
4. Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp được xác định bằng giá đất thương mại dịch vụ cùng vị trí tại khu vực lân cận.
5. Đối với đất sử dụng vào các mục đích công cộng có mục đích kinh doanh, đất phi nông nghiệp khác; đất sử dụng vào các mục đích công cộng không có mục đích kinh doanh, đất tôn giáo, đất tín ngưỡng; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt được xác định bằng giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp cùng vị trí tại khu vực lân cận.
6. Đối với đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản thì áp dụng giá đất nuôi trồng thủy sản; sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp hoặc sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp kết hợp với nuôi trồng thủy sản thì được xác định bằng giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp cùng vị trí tại khu vực lân cận.
7. Đối với đất chưa sử dụng, khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất để đưa vào sử dụng thì căn cứ vào giá của loại đất đã được giao đất, cho thuê đất cùng vị trí tại khu vực lân cận để xác định giá.